

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Tháng 08 năm 2016



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 từ trang 05 đến trang 41 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Ông Lưu Quang Lãm	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng Ban
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Phùng Danh Nguyên.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHYACA).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

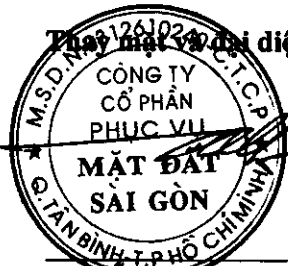
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám Đốc,



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám Đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Số: H/2016/UHYACAHCM-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 07 năm 2016, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lương Ngô Bảo Trân
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 1828-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		256.022.350.296	209.262.822.953
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	90.470.605.868	78.370.065.494
Tiền	111		50.470.605.868	58.370.065.494
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	14	10.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.244.039.352	118.550.944.718
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	127.798.429.507	118.118.929.148
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.299.569.349	5.315.507.403
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	15.524.691.210	9.729.819.109
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(14.378.650.714)	(14.613.310.942)
Hàng tồn kho	140	8	6.855.435.465	7.847.709.154
Hàng tồn kho	141		6.855.435.465	7.847.709.154
Tài sản ngắn hạn khác	150		452.269.611	4.494.103.587
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	215.521.886	251.970.484
Thuế GTGT được khấu trừ	152		236.747.725	4.242.133.103
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		167.833.063.894	117.766.291.164
Phải thu dài hạn khác	216	7	14.600.000.000	14.600.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(14.600.000.000)	(14.600.000.000)
Tài sản cố định	220		163.147.736.098	116.301.070.079
Tài sản cố định hữu hình	221	10	163.147.736.098	116.301.070.079
- Nguyên giá	222		300.481.685.862	237.463.167.243
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137.333.949.764)	(121.162.097.164)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		774.068.000	774.068.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(774.068.000)	(774.068.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.607.431.334	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.607.431.334	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	190.000.000	190.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		190.000.000	190.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		887.896.462	1.275.221.085
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	437.560.633	775.599.265
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		450.335.829	499.621.820
TỔNG TÀI SẢN	270		423.855.414.190	327.029.114.117

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		137.156.938.805	118.256.964.097
Nợ ngắn hạn	310		134.946.877.555	118.256.964.097
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	39.722.525.229	35.098.291.191
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		307.189.784	371.737.830
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	11.639.131.922	8.035.710.307
Phải trả người lao động	314		70.289.406.445	67.358.210.668
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.417.863.950	401.460.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.349.604.607	2.770.398.483
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.221.155.618	4.221.155.618
Nợ dài hạn	330		2.210.061.250	-
Phải trả dài hạn khác	337	18	2.210.061.250	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		286.698.475.385	208.772.150.020
Vốn chủ sở hữu	410	19	286.698.475.385	208.772.150.020
Vốn góp của chủ sở hữu	411		196.673.160.000	140.508.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		196.673.160.000	140.508.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(133.000.000)	(28.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.139.777.265	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.018.538.120	68.292.150.020
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		204.132.755	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		82.814.405.365	68.292.150.020
TỔNG NGUỒN VỐN	440		423.855.414.190	327.029.114.117

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



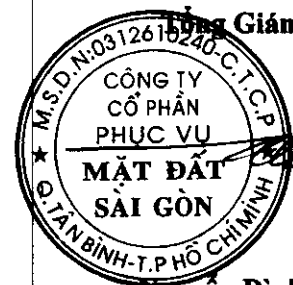
Đặng Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng



Phùng Danh Nguyên

Chủ tịch Hội đồng Giám Đốc



Nguyễn Đình Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	381.989.012.340	273.496.070.904
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		381.989.012.340	273.496.070.904
Giá vốn hàng bán	11	22	252.863.099.941	188.532.462.696
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		129.125.912.399	84.963.608.208
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.477.054.893	1.879.535.512
Chi phí tài chính	22	24	987.387.840	289.154.125
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	24.660.083.710	46.596.295.562
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		104.955.495.743	39.957.694.033
Thu nhập khác	31	27	81.915.731	50.117.683
Chi phí khác	32	28	88.526.060	574.000
Lợi nhuận khác	40		(6.610.329)	49.543.683
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		104.948.885.414	40.007.237.716
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	21.030.669.058	8.962.472.353
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	49.285.991	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		83.868.930.365	31.044.765.363
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	4.212	1.539
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	4.212	1.539

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

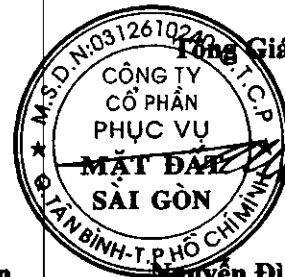
Người lập biểu

Đặng Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng

Phùng Danh Nguyên

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		104.948.885.414	40.007.237.716
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.171.852.600	10.711.232.966
Các khoản dự phòng	03		(234.660.228)	26.455.836.355
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối	04		192.369.353	(345.907.852)
đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ				
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(576.699.571)	(291.914.325)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08		120.501.747.568	76.536.484.860
thay đổi vốn lưu động				
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(25.688.942.461)	(8.794.223.720)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		992.273.689	(518.940.779)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể	11		31.610.793.462	(11.738.778.842)
lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp				
phải nộp)				
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		374.487.230	138.689.929
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.098.420.867)	(12.547.232.609)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.837.605.000)	(169.546.181.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		105.854.333.621	(126.470.182.688)
doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và	21		(84.269.016.898)	(10.823.164.179)
các tài sản dài hạn khác				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của	23		(20.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ	24		10.000.000.000	14.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		697.032.888	595.437.190
chia				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(93.571.984.010)	3.772.273.011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)
(Phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(105.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(105.000.000)	(16.900.756.172)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.177.349.611	(139.598.665.849)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	78.370.065.494	210.659.059.914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(76.809.237)	97.309.367
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	90.470.605.868	71.157.703.432

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

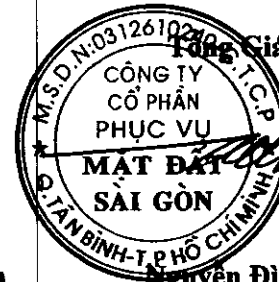


Đặng Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng



Phùng Danh Nguyên



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Đình Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0312610240 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2014 và thay đổi lần thứ ba vào ngày 17 tháng 07 năm 2016.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN.

Trụ sở chính: Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là 196.673.160.000 đồng.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, chi tiết:

- Trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay;
- Khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay;
- Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác;
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước;
- Cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
- Cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa;
- Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không;
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không;
- Cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay;
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay;
- Kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa;
- Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)/.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục trong một tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại Mặt đất. Các chính sách về giá, chính sách giảm giá của Công ty sẽ ảnh hưởng đến doanh thu. Ngoài ra, việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết.

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2015. Địa chỉ tại: Cảng Hàng Không Quốc Tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Chi nhánh Cam Ranh là đơn vị hạch toán độc lập của Công ty, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-002 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2016. Địa chỉ tại: Cảng Hàng Không Quốc Tế Cam Ranh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

1.7 KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở hợp cộng số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng, Báo cáo tài chính của Chi nhánh Đà Nẵng và Báo cáo tài chính của Chi nhánh Cam Ranh cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2016 đến 30/06/2016.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán. Và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty đã được soát xét.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") và Thông tư 53/2016/T-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty (nếu có) được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà sẽ điều chỉnh giá trị khấu hao (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Đối với các tài sản cố định hữu hình hiện có tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, nguyên giá của các tài sản này được ghi nhận theo giá được đánh giá lại theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn tại thời điểm 31/03/2014 đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 2189/QĐ-BGTVT ngày 10/06/2014.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 08
Thiết bị Văn phòng	04 – 06

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, bao gồm bản quyền máy tính được khấu hao trong 3 năm và phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các chi phí sử dụng vô tuyến điện tử, phí cước Metrowan, phí sử dụng phần mềm mail server và các chi phí khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá lại qua xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí bản quyền phần mềm Kaspersky được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu. Khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, Công ty sẽ áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Việt Nam Đồng và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có).

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận được phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: Dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và Dịch vụ phi hàng không (Phục vụ khách VIP, F, C; dịch vụ đào tạo; dịch vụ hành lý, hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN NGOẠI TỆ

Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong các giao dịch kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận doanh thu và nợ phải thu là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP.HCM tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ (nếu có) cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC****Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%; doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện giá trị của số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán là 20%. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Dịch vụ của Công ty cung cấp là dịch vụ đặc thù của ngành hàng không, phần lớn khách hàng sử dụng dịch vụ trọn gói, các dịch vụ tách rời và dịch vụ phụ không đáng kể, vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Cam Ranh. Vì vậy, báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Khoản mục không được phân bổ là chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Tiền mặt	247.902.500	1.194.000
Tiền gửi ngân hàng	50.222.703.368	58.368.871.494
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	90.470.605.868	78.370.065.494

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Hàng Không VietJet	52.127.944.274	55.336.403.370
- Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông (*)	5.508.337.650	5.508.337.650
- Transaero Airlines (*)	2.870.313.064	3.104.973.292
- Các khoản phải thu khách hàng khác	67.291.834.519	54.169.214.836
Cộng	127.798.429.507	118.118.929.148
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	38.606.920	56.137.939
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	64.000.000	42.000.000
Cộng	102.606.920	98.137.939

(*) Năm 2015, Công ty đã xem xét lập dự phòng 100% nợ công nợ phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông và Transaero Airlines.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	15.524.691.210	6.000.000.000	9.729.819.109	6.000.000.000
- Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Thuế GTGT chờ được hoàn	8.053.351.591	-	-	-
- Tạm ứng Công trình	-	-	2.709.820.889	-
- Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	45.000.000	-
- Chi bộ các hãng hàng không	319.031.657	-	363.460.758	-
- Tạm ứng	639.919.550	-	46.000.000	-
- Bảo hiểm xã hội	279.071.000	-	188.902.997	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	132.444.445	-	252.777.762	-
- Phải thu khác	40.872.967	-	123.856.703	-
Dài hạn	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000
- Công ty cho thuê Tài chính II - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (*)	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000
Cộng	30.124.691.210	20.600.000.000	24.329.819.109	20.600.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả gốc và lãi) đã quá hạn thanh toán. Theo kết luận của tòa án, Công ty Cho Thuê Tài Chính II - Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam có nghĩa vụ trả phần gốc và lãi kể từ ngày 10/07/2014, số tiền trả mỗi tháng ít nhất là 500.000.000 đồng. Năm 2015, Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của khoản nợ nêu trên và trích lập dự phòng 100% nợ phải thu khó đòi với giá trị lũy kế đến 30/06/2016 là 20.600.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.756.222.109	-	6.581.950.798	-
Công cụ, dụng cụ	99.213.356	-	1.265.758.356	-
Cộng 	6.855.435.465	-	7.847.709.154	-

9. NỢ XẤU

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	28.978.650.714	-	29.213.310.942	-
+ Công ty Cho Thuê Tài chính H - Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam	20.600.000.000	-	20.600.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Hàng Không Mê Kông	5.508.337.650	-	5.508.337.650	-
+ Transaero Airlines	2.870.313.064	-	3.104.973.292	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2016	19.187.037.253	7.868.342.623	199.284.358.390	11.123.428.977	237.463.167.243
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	9.492.464.850	-	-	-	9.492.464.850
- Mua trong kỳ	-	-	53.463.053.769	63.000.000	53.526.053.769
Tại 30/06/2016	28.679.502.103	7.868.342.623	252.747.412.159	11.186.428.977	300.481.685.862
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2016	(559.093.330)	(4.115.466.594)	(108.939.260.296)	(7.548.276.944)	(121.162.097.164)
- Khấu hao trong kỳ	(569.877.102)	(620.869.103)	(14.344.020.475)	(637.085.920)	(16.171.852.600)
Tại 30/06/2016	(1.128.970.432)	(4.736.335.697)	(123.283.280.771)	(8.185.362.864)	(137.333.949.764)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	18.627.943.923	3.752.876.029	90.345.098.094	3.575.152.033	116.301.070.079
Tại 30/06/2016	27.550.531.671	3.132.006.926	129.464.131.388	3.001.066.113	163.147.736.098

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.

- Nguyên giá nhà cửa vật kiến trúc tăng trong kỳ là giá tạm tính tăng của công trình xưởng sửa chữa và phục vụ trên tàu SAGS. Năm 2016, công trình đã được quyết toán và đang thực hiện các thủ tục kiểm toán quyết toán công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2016	514.288.000	259.780.000	774.068.000
Tại 30/06/2016	514.288.000	259.780.000	774.068.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2016	(514.288.000)	(259.780.000)	(774.068.000)
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Tại 30/06/2016	(514.288.000)	(259.780.000)	(774.068.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	-	-	-
Tại 30/06/2016	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 774.068.000 đồng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Công trình xây dựng xưởng sửa chữa và phục vụ trên tàu	3.607.431.334	-
Cộng	3.607.431.334	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	215.521.886	251.970.484
- Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử	50.216.328	88.120.000
- Phí cước Metrowan	36.441.030	73.705.589
- Phần mềm mail server	19.851.041	59.773.691
- Phí dịch vụ khác	29.407.727	30.371.204
- Chi phí thuê văn phòng DAD	79.605.760	-
Dài hạn	437.560.633	775.599.265
- Giá trị công cụ dụng cụ tăng qua xác định giá trị doanh nghiệp	303.637.356	607.274.723
- Bản quyền phần mềm Kaspersky	107.906.587	131.157.872
- Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử tại DAD	26.016.690	37.166.670
Cộng	653.082.519	1.027.569.749

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	-	-	-
b) Đầu tư tài chính dài hạn	190.000.000	-	190.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn (**)	190.000.000	-	190.000.000	-

(*) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn gốc 98 ngày.

(**) Là khoản góp vốn vào Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 19%.

一、二、三、四、五、六、七、八、九、十、十一、十二、十三、十四、十五、十六、十七、十八、十九、二十、二十一、二十二、二十三、二十四、二十五、二十六、二十七、二十八、二十九、三十、三十一、三十二、三十三、三十四、三十五、三十六、三十七、三十八、三十九、四十、四十一、四十二、四十三、四十四、四十五、四十六、四十七、四十八、四十九、五十、五十一、五十二、五十三、五十四、五十五、五十六、五十七、五十八、五十九、六十、六十一、六十二、六十三、六十四、六十五、六十六、六十七、六十八、六十九、七十、七十一、七十二、七十三、七十四、七十五、七十六、七十七、七十八、七十九、八十、八十一、八十二、八十三、八十四、八十五、八十六、八十七、八十八、八十九、九十、九十一、九十二、九十三、九十四、九十五、九十六、九十七、九十八、九十九、一百

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
Số 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	25.912.286.833	25.912.286.833	24.125.850.575	24.125.850.575
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	5.491.907.278	5.491.907.278	3.826.206.326	3.826.206.326
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	2.315.287.332	2.315.287.332	1.718.527.654	1.718.527.654
- Các đối tượng khác	6.003.043.786	6.003.043.786	5.427.706.636	5.427.706.636
Cộng	39.722.525.229	39.722.525.229	35.098.291.191	35.098.291.191
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	2.315.287.332	2.315.287.332	1.718.527.654	1.718.527.654
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	25.912.286.833	25.912.286.833	24.125.850.575	24.125.850.575
- Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	5.491.907.278	5.491.907.278	3.826.206.326	3.826.206.326
- Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	65.304.800	65.304.800	3.790.000	3.790.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	37.867.500	37.867.500	4.270.000	4.270.000
- Công ty CP Thương Mại Hàng Không Miền Nam	9.838.000	9.838.000	-	-
Cộng	33.832.491.743	33.832.491.743	29.678.644.555	29.678.644.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại 30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	414.536.104	1.501.703.062	1.222.379.024	693.860.142
Thuế TNDN	5.861.431.930	21.030.669.059	16.098.420.868	10.793.680.121
Thuế TNCN	1.759.742.273	4.441.765.421	6.049.916.035	151.591.659
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế nhà thầu	-	2.619.374	2.619.374	-
Cộng	8.035.710.307	26.981.756.916	23.378.335.301	11.639.131.922

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí nghỉ mát	1.350.000.000	159.000.000
- Thù lao HĐQT và BKS	159.000.000	-
- Chi phí trang phục ngành	2.261.717.182	-
- Chi phí bảo hộ lao động	158.499.000	-
- Chi phí bồi dưỡng độc hại và khám sức khỏe	946.187.768	-
- Chi phí sử dụng Sita	542.460.000	242.460.000
Cộng	5.417.863.950	401.460.000

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.349.604.607	2.770.398.483
- Kinh phí công đoàn	1.178.970.458	638.662.731
- Bảo hiểm y tế	188.793.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	83.964.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.377.952.500
- Phải trả tiền vé, hoa hồng bán vé đã thu hộ	483.135.066	371.820.387
- Phải trả tiền ốm đau thai sản	6.385.330	176.360.630
- Công ty cổ phần thiết kế - giám sát - xây dựng Hoàn Thiện	889.209.564	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	519.147.189	205.602.235
b) Dài hạn	2.210.061.250	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.210.061.250	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tỷ lệ	Tại 30/06/2016	Tỷ lệ	Tại 01/01/2016
	%	Giá trị VND	%	Giá trị VND
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	55,52%	109.197.310.000	55,51%	77.998.080.000
Công Ty CP Đầu Tư Khai Thác Cảng	13,00%	25.572.450.000	13,00%	18.266.040.000
Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet	4,00%	7.868.440.000	4,00%	5.620.320.000
Công ty CP TMDV Hoàn Lộc Việt	2,25%	4.429.090.000	2,25%	3.163.640.000
SSI	17,45%	34.315.280.000	17,44%	24.510.920.000
Các cổ đông khác	7,73%	15.195.590.000	7,78%	10.929.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,05%	95.000.000	0,01%	20.000.000
Cộng	100%	196.673.160.000	100%	140.508.000.000

19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	140.508.000.000	140.508.000.000
Vốn tăng trong kỳ (*)	56.165.160.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	196.673.160.000	140.508.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	56.165.160.000	-

(*) Năm 2015, Công ty tạm ứng cổ tức số tiền 14.050.800.000 đồng với tỷ lệ 10%/cổ phiếu theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 12/11/2015 và trong kỳ Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5:2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2016.

19.3 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2016 Cổ phiếu	Tại 01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.667.316	14.050.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.667.316	14.050.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.667.316</i>	<i>14.050.800</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.500	2.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.500</i>	<i>2.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.657.816	14.048.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.657.816</i>	<i>14.048.800</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)
19.4 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2015	140.508.000.000	-	-	-	-	-	-	140.508.000.000	-	140.508.000.000
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	86.664.433.797	86.664.433.797	-	86.664.433.797
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.321.483.777)	(4.321.483.777)	-	(4.321.483.777)
- Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	-	(14.050.800.000)	(14.050.800.000)	-	(14.050.800.000)
- Mua lại cổ phiếu trong năm	-	-	(28.000.000)	-	-	-	-	(28.000.000)	-	(28.000.000)
Tại 31/12/2015	140.508.000.000	-	(28.000.000)	-	-	-	68.292.150.020	208.772.150.020	-	208.772.150.020
Tại 01/01/2016	140.508.000.000	-	(28.000.000)	-	-	-	68.292.150.020	208.772.150.020	-	208.772.150.020
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	83.868.930.365	83.868.930.365	-	83.868.930.365
- Tăng vốn từ lợi nhuận (*)	56.165.160.000	-	-	-	-	-	(56.165.160.000)	-	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2015 (*)	-	-	-	-	7.139.777.265	-	(7.139.777.265)	-	-	-
- Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 (*)	-	-	-	-	-	-	(450.000.000)	(450.000.000)	-	(450.000.000)
- Thương Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành (*)	-	-	-	-	-	-	(4.333.080.000)	(4.333.080.000)	-	(4.333.080.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016	-	-	-	-	-	-	(1.054.525.000)	(1.054.525.000)	-	(1.054.525.000)
- Mua lại cổ phiếu trong kỳ	-	-	(105.000.000)	-	-	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)
Tại 30/06/2016	196.673.160.000	-	(133.000.000)	-	7.139.777.265	-	83.018.538.120	286.698.475.385	-	286.698.475.385

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2016. Theo đó, Công ty thực hiện trích lập các quỹ, thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 5:2, cụ thể cổ đông sở hữu 05 cổ phiếu nhận được 02 cổ phiếu mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

20.1 TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

Là tài sản thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài sản số 20A/HĐ/ACV-SAGS ngày 10/02/2015 với thời hạn thuê từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số 20A/HĐ/ACV-SAGS và Hợp đồng số 96/HĐ/ACV-SAGS với thời hạn thuê từ 01/05/2015 đến 31/12/2016 và các Phụ lục kèm theo hợp đồng 96/HĐ/ACV-SAGS. Mục đích thuê trang thiết bị, phương tiện của Công ty là nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Giá trị tài sản thuê ngoài		
Tài sản khác thuê ngoài	137.718.679.077	138.566.822.827
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	9.875.326.764	19.374.890.913
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-

20.2 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	29.558.299.518	1.326.971,92	31.513.216.537	1.403.706,75
Đô la Singapore (SGD)	4.016.484	244,00	3.864.960	244,00

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
a. Doanh thu	381.989.012.340	273.496.070.904
+ Doanh thu hàng không	368.024.600.486	265.320.115.677
+ Doanh thu phi hàng không	13.964.411.854	8.175.955.227
b. Doanh thu với các bên liên quan	3.379.751.739	3.290.618.879
+ Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	207.476.801	336.668.000
+ Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	3.108.274.938	2.873.950.879
+ Công ty TNHH DV Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	64.000.000	-
+ Công ty CP Vận Tải Hàng Không Miền Nam	-	80.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn dịch vụ	252.863.099.941	188.532.462.696
Cộng	252.863.099.941	188.532.462.696

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	576.699.571	291.914.325
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	900.355.322	1.241.713.335
Lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	345.907.852
Cộng	1.477.054.893	1.879.535.512

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	795.018.487	289.154.125
Lỗ do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	192.369.353	-
Cộng	987.387.840	289.154.125

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	10.359.437.884	9.222.825.015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	908.592.955	363.522.659
Chi phí khấu hao TSCĐ	438.748.487	385.144.043
Chi phí thuế phí, lệ phí	7.776.105	15.500.000
Chi phí lập dự phòng	(234.660.228)	26.455.836.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.428.798.170	6.052.137.882
Chi phí khác bằng tiền khác	5.751.390.337	4.101.329.608
Cộng	24.660.083.710	46.596.295.562
b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(234.660.228)	-
Cộng	(234.660.228)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	7.998.878.759	7.559.872.102
Chi phí nhân công	141.752.067.636	100.042.523.928
Khấu hao tài sản cố định	16.171.852.600	10.752.200.494
Chi phí thuế phí, lệ phí	186.646.738	15.500.000
Chi phí lập dự phòng	(234.660.228)	26.455.836.355
Chi phí nhượng quyền khai thác	5.513.631.213	3.973.170.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.897.007.809	86.201.495.771
Chi phí bằng tiền khác	237.759.124	128.158.682
Cộng	277.523.183.651	235.128.758.258

27. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu bán hồ sơ thầu	25.454.555	5.000.002
Phạt vi phạm hợp đồng	52.830.000	44.820.010
Thu nhập khác	3.631.176	297.671
Cộng	81.915.731	50.117.683

28. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí hồ sơ mời thầu	4.938.000	574.000
Tiền miễn thường theo HĐ bảo hiểm AV14-15/SAGS	64.500.000	-
Chi phí khác	19.088.060	-
Cộng	88.526.060	574.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được Công ty tạm tính theo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 và sẽ được quyết toán vào cuối năm tài chính.

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(246.429.957)	-
- Trích dự phòng Transero Airline	(246.429.957)	-
Thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi	20%	-
Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	49.285.991	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	49.285.991	-

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	83.868.930.365	31.044.765.363
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	(345.907.852)
+ Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ các khoản mục tiền tệ (VND)	-	(345.907.852)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	83.868.930.365	30.698.857.511
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.054.525.000)	(431.975.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	19.663.191	19.667.316
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	4.212	1.539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	83.868.930.365	31.044.765.363
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
+ <i>Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ các khoản mục tiền tệ (VND)</i>	-	(345.907.852)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	83.868.930.365	30.698.857.511
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.054.525.000)	(431.975.000)
Tổng số lượng cổ phiếu	19.663.191	19.667.316
+ <i>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)</i>	19.663.191	19.667.316
+ <i>Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (Cổ phiếu)</i>	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	4.212	1.539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****33.1 GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

33.2 TÀI SẢN ĐẢM BẢO***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30/06/2016.

33.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tỷ giá thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm bán khi cần thiết để hạn chế mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Tổng Giám Đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2016 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

33.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tỷ giá (tiếp)

Tại 30/06/2016

Tài sản tài chính	Nguyên tệ		VND tương đương	
	USD	SGD	USD	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.326.971,92	244,00	29.558.299.518	3.864.960
Phải thu khách hàng	2.833.744,37	-	63.121.655.841	-
Tài sản tài chính khác	879,66	-	19.594.427	-
Cộng	4.161.595,95	244,00	92.699.549.786	3.864.960
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính khác	92.372,00	-	2.066.729.550	-
Cộng	92.372,00	-	2.066.729.550	-

Rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất do Công ty không có các khoản vay.

Rủi ro về giá

Công ty thực hiện giao dịch với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các dịch vụ được cung cấp biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

33.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Trên 5	Tổng
	trở xuống	đến dưới 5 năm	năm	
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2016				
Phải trả người bán	39.722.525.229	-	-	39.722.525.229
Chi phí phải trả	5.417.863.950	-	-	5.417.863.950
Nợ phải trả khác	1.891.491.819	2.210.061.250	-	4.101.553.069
Cộng	47.031.880.998	2.210.061.250	-	49.241.942.248
Tại 01/01/2016				
Phải trả người bán	35.098.291.191	-	-	35.098.291.191
Chi phí phải trả	401.460.000	-	-	401.460.000
Nợ phải trả khác	1.955.375.122	-	-	1.955.375.122
Cộng	37.455.126.313	-	-	37.455.126.313

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

۱۲۳۴۵۶۷۸۹۱۰۱۱۲۱۳۱۴۱۵۱۶۱۷۱۸۱۹۲۰۲۱۲۲۲۳۲۴۲۵۲۶۲۷۲۸۲۹۳۰۳۱۳۲۳۳۳۴۳۵۳۶۳۷۳۸۳۹۴۰۴۱۴۲۴۳۴۴۴۵۴۶۴۷۴۸۴۹۵۰۵۱۵۲۵۳۵۴۵۵۵۶۵۷۵۸۵۹۶۰۶۱۶۲۶۳۶۴۶۵۶۶۶۷۶۸۶۹۷۰۷۱۷۲۷۳۷۴۷۵۷۶۷۷۷۸۷۹۸۰۸۱۸۲۸۳۸۴۸۵۸۶۸۷۸۸۸۹۹۰۹۱۹۲۹۳۹۴۹۵۹۶۹۷۹۸۹۹

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

33.3 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.470.605.868	-	-	90.470.605.868
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	119.419.778.793	-	-	119.419.778.793
Đầu tư dài hạn	-	190.000.000	-	190.000.000
Tài sản tài chính khác	8.605.700.660	-	-	8.605.700.660
Cộng	228.496.085.321	190.000.000	-	228.686.085.321
Tại 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.370.065.494	-	-	78.370.065.494
Phải thu khách hàng	109.505.618.206	-	-	109.505.618.206
Đầu tư dài hạn	-	190.000.000	-	190.000.000
Tài sản tài chính khác	3.494.916.112	-	-	3.494.916.112
Cộng	191.370.599.812	190.000.000	-	191.560.599.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực địa lý bao gồm: bộ phận tại văn phòng Tp. Hồ Chí Minh, Chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh Cam Ranh.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

	Tại Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh		Tại Chi nhánh Đà Nẵng		Tại Chi nhánh Cam Ranh		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần bộ phận	326.014.583.503	55.974.428.837	-	-	381.989.012.340		
Chi phí bộ phận	234.094.354.275	43.226.615.918	202.213.458		277.523.183.651		
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	91.920.229.228	12.747.812.919	(202.213.458)		104.465.828.689		
Doanh thu tài chính	1.454.998.480	23.265.998	80.436		1.478.344.914		
Chi phí tài chính	974.974.854	13.703.007	-		988.677.861		
Thu nhập khác	81.580.290	335.441	-		81.915.731		
Chi phí khác	88.526.060	-	-		88.526.060		
Lợi nhuận trước thuế	92.393.307.085	12.757.711.351	(202.133.022)		104.948.885.414		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.477.426.788	2.553.242.270	-		21.030.669.058		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	49.285.991	-	-		49.285.991		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	73.866.594.306	10.204.469.081	(202.133.022)		83.868.930.365		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

	Tại Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh	Tại Chi nhánh Đà Nẵng	Không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	261.255.914.868	12.240.156.036	-	273.496.070.904
Chi phí bộ phận	223.558.171.512	11.570.586.746	-	235.128.758.258
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	37.697.743.356	669.569.290	-	38.367.312.646
Doanh thu tài chính	1.879.273.398	379.990	-	1.879.653.388
Chi phí tài chính	288.890.953	381.048	-	289.272.001
Thu nhập khác	5.297.673	44.820.010	-	50.117.683
Chi phí khác	574.000	-	-	574.000
Lợi nhuận trước thuế	39.292.849.474	714.388.242	-	40.007.237.716
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	8.962.472.353	8.962.472.353
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				31.044.765.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC

35.1 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu với các bên liên quan	3.379.751.739	3.290.618.879
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	207.476.801	336.668.000
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	3.108.274.938	2.873.950.879
- Công ty TNHH DV Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	64.000.000	-
- Công ty CP Vận Tải Hàng Không Miền Nam	-	80.000.000
Mua hàng với các bên liên quan	95.245.050.925	72.569.064.431
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	9.708.423.432	5.307.472.625
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam -CTCP	72.435.890.466	63.767.423.973
- Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam -CTCP	12.493.441.038	2.876.263.491
- Công ty CP Thương Mại Hàng Không Miền Nam	61.969.087	17.100.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ HK Sân bay Tân Sơn Nhất	482.974.630	330.304.342
- Công ty CP Vận tải hàng không Miền Nam	8.181.818	270.500.000
- Công ty TNHH DV Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	54.170.454	-
<u>Số dư các bên liên quan</u>	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng	102.606.920	98.137.939
- Công ty CP DV Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	38.606.920	56.137.939
- Công ty TNHH DV Bảo dưỡng máy bay Cảng HK Miền Nam	64.000.000	42.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư các bên liên quan

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Phải trả người bán	33.832.491.743	29.678.644.555
- Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	2.315.287.332	1.718.527.654
- Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất - CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam -CTCP	25.912.286.833	24.125.850.575
- Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam -CTCP	5.491.907.278	3.826.206.326
- Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Không Sân Bay Tân Sơn Nhất	65.304.800	3.790.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Dưỡng Máy Bay Cảng Hàng Không Miền Nam	37.867.500	4.270.000
- Công ty CP Thương Mại Hàng Không Miền Nam	9.838.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu nhập Hội đồng quản trị	1.136.128.302	168.000.000
Thu nhập Ban Kiểm soát	448.471.698	90.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng	5.912.680.000	2.280.000.000

35.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp tổng hợp cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty.

35.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty đã được soát xét.

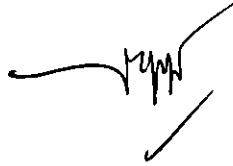
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



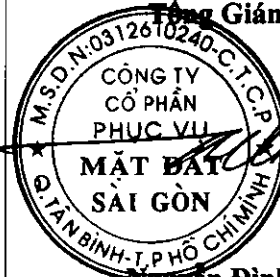
Đặng Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng



Phùng Danh Nguyên

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Đình Hùng

